TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 9 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Cho
2. Bà Trương Ngọc Điệp
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.
Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự.
1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim C (có mặt).
Địa chỉ: Số 5, đường N, phường X, quận N, thành phố C.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 23/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà Ch xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống chung không phù hợp, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Bà Ch xác định không còn tình cảm với ông Ph nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Bà và ông Ph có 01 con chung tên Nguyễn Phúc H (nam), sinh ngày 26/4/2011, cháu H hiện đang sống với bà C. Bà C yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Ông Ph thống nhất với phần trình bày của bà C về quan hệ hôn nhân, về con chung, nợ chung và tài sản chung. Ông Ph đồng ý ly hôn và thống nhất giao cháu Nguyễn Phúc H cho bà C nuôi dưỡng. Ông Ph có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc H cho bà C nuôi dưỡng, ông Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Phạm Thị Kim C khởi kiện ông Nguyễn Văn Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà C, ông Ph xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà C và ông Ph đều thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, đời sống chung không hạnh phúc. Ông Ph cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà C. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần động viên bà C hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng bà C xác định không còn tình cảm với ông Ph. Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà C, ông Ph là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[4] Về con chung: Bà C, ông Ph có 01 con chung tên Nguyễn Phúc H (nam), sinh ngày 26/4/2011. Cháu H có nguyện vọng được sống chung với bà C. Bà C có yêu cầu nuôi cháu H, ông Ph cũng thống nhất giao cháu H cho bà C nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà C nuôi dưỡng. Bà C không có yêu cầu cấp dưỡng nên ông Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Ph có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều

56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc H (nam), sinh ngày 26/4/2011 cho bà C nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Ph không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai số 0014848 ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà Chi đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu